

Đơn vị dự toán: Bệnh viện Đa khoa tỉnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH

ĐÃ NHẬP TABMIS

Số535...../QLNS

Ngày...27...tháng...6...năm 2022

Mẫu số C6-03/NS

(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017)
của Bộ Tài chính

Số: (2)..... Năm NS: 2022

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19(tháng 2/2022)

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVOHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, ĐA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bắt toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi dân tư phát															
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0 Cấp 1 Cấp 4 (Dự toán) Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		216.370.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	574/QĐ-SYT	04/05/2022	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	216.370.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
																
...	...	...														

Hạ long, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (5)

Người nhập

CQ tài chính ghi sổ ngày tháng năm

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Vinh



Nguyễn Bá Việt

Nguyễn Việt Khoa

Lê Thị Phú



Hà Thị Thanh Lê

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 21 tháng 6 năm 2022

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2022**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Nội dung phân bổ: V/v phê duyệt dự toán và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19(tháng 2/2022)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	216.370.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly;		
2	Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)		
4	Phụ cấp chống dịch	22.050.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân F0 tại bệnh viện	194.320.000	NQ 68 HĐND tỉnh
6	Kinh phí cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND tỉnh		
2	Nhiệm vụ B		
			
	Tổng số	216.370.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Hai trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kê toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Uit

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng
(ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Bá Việt

Số: 574/QĐ-SYT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 02/2022)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế thực hiện chi chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Tháng 02/2022),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (tháng 02/2022).

Số tiền: **6.546.771.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí phụ cấp đặc thù và các chi phí theo NQ 16/NQ-CP và NQ 36/NQ-HĐND: 3.288.411.000 đồng.
- Kinh phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân điều trị Covid tại cơ sở y tế: 1.631.820.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn F0, F1 và hỗ trợ khác theo NQ 68/NQ-CP: 1.626.540.000 đồng.

(Chi tiết đơn vị theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 16/NQ-CP, 68/NQ-CP. Thủ trưởng đơn

vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

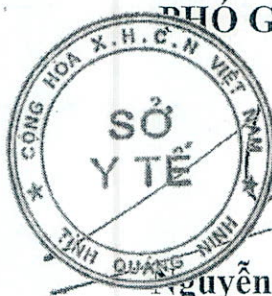
Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

AS

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Tuấn

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP THÁNG 01, 02/2022

ĐVT: nghìn đồng

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000đ/ngày)			Chi phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly		Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			KP cho đối tượng được bổ sung theo NQ 36 HĐND Tỉnh			Ban chỉ đạo các cấp			Chi khác PI 1,8	Tiền ăn F0, F1 và hỗ trợ khác theo NQ 68
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (ngày)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (ngày)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (ngày)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số ngày	Số tiền (nghìn đồng)		
	Tổng cộng:	6.546.771	1.048	10.908	429.151	723	1.631.820	753	7.814	2.196.050	141	1.297	168.610	292	4.037	319.900	340	1.747	174.700	0	0	0	0	1.626.540
1	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	1.309.240	333	3.912	156.480	0	0	190	2.115	564.000	27	234	30.420	102	1.350	106.370	9	116	11.600					440.370
2	TT kiểm soát bệnh tật	119.570						17	234	67.700	46	379	49.270				18	26	2.600					
3	Bệnh viện ĐK tỉnh	216.370				0	0	69	441	22.050	0	0	0	0	0	0	0	0	0					194.320
4	BV ĐK Cẩm Phả	112.600	0	0	0	0	0	55	395	99.800	0	0	0	13	160	12.800	0	0	0					0
5	BVĐK Hạ Long	886.896	154	1.472	55.043	104	288.393	0	0	240.300	0	0	0	100	1.439	113.690	17	110	11.000				0	178.470
6	TTYT Tiên Yên	583.495	281	1.970	86.800	260	360.635	51	433	108.150	6	27	3.510	20	200	16.000	30	84	8.400	0	0	0	0	
7	TTYT Ba Chẽ	269.317				48	83.037	61	792	174.900	5	56	7.280		0	0	11	41	4.100					
8	TTYT Bình Liêu	223.230	0	0	0	0	0	63	841	203.800	3	59	7.670	10	147	11.760	0	0	0				0	
9	TTYT Vân Đồn	125.140	0	0	0	0	0	42	305	85.250	11	53	6.890	0	0	0	46	330	33.000				0	0
10	TTYT Cô Tô	89.635	6	49	1.960	4	5.565	38	318	67.900	8	59	7.670	2	8	640	34	59	5.900					
11	TTYT Uông Bí	55.110						9	12	2.700	18	277	36.010	0	0	0	23	164	16.400					
12	TTYT Quảng Yên	1.342.066	205	2.833	101.988	205	634.658	73	1.297	373.100	0	0	0	45	733	58.640	53	323	32.300					141.380
13	TT YT Đông Triều	496.680	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					496.680
14	TTYT Cẩm Phả	206.290						85	631	186.400	17	153	19.890	0	0	0	0	0	0				0	
15	TTYT Hải Hà	341.852	69	672	26.880	102	259.532	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					55.440
16	Bệnh viện Sản Nhi	119.880				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					119.880
17	Bệnh viện Y dược cổ truyền	36.300	0	0	0			0	0	0							55	363	36.300					
18	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	13.100															44	131	13.100					



Người ký: Phạm Văn Long
Ngày ký: 27/07/2022 13:42:34
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành
thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: DT24/ 220726_1017339_2811001
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HDK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch Tháng 02/2022(tamis:535)	6114	423	132	12	22.050.000
Tổng cộng					22.050.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ long - QN

Tài khoản: 440280701009

Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 26 tháng 07 năm 2022

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 26/07/2022 14:51:11
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 26/07/2022 15:04:07
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Bá Việt

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 27 tháng 07 năm 2022

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Phạm Văn Long
Ngày ký: 26/07/2022 16:29:57
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Phạm Văn Long

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết
Ngày ký: 27/07/2022 08:43:28
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết
Mình

Số: 1942 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp chống dịch theo Nghị quyết 16/NQ-CP trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế làm công tác phân luồng tại bệnh viện tháng 12 năm 2021 nguồn dự toán kinh phí bổ sung

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 92/QĐ-BVT ngày 11/01/2022 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm công tác phân luồng tại bệnh viện theo Nghị quyết 16/NQ-CP trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 trong tháng 12 năm 2021 * Cụ thể như sau:

+ Phụ cấp công tác phòng, chống dịch tháng 12/2021:

- Số người hưởng PC: 69 người
- Số ngày : 441 ngày x 50.000 = **22.050.000**

Điều 2. Tổng số tiền chi: 22.050.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán kinh phí bổ sung chống dịch Covid – 19 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Neu*



Nguyễn Bá Việt

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19
Nội dung: Chi bổ sung Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
Tháng 12/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5		7=3*6	8	9
	Tổng Cộng						441	22.050.000		
1	Phạm Thị Thủy	PTP ĐD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		5.11.21/12
2	Vũ Thị Thủy	P DD	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	8	400.000		5.7.8.11.13.20.23.27/12
3	Nguyễn T Huyền Trang	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.15.16.17.19.20/12
4	Nguyễn Thị Tuyết	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	8	400.000		22.23.24.25.26.28.29.31/12
5	Bùi Thị Hường	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13.14.15.16.17.19.20/12
6	Đỗ Quang Thế	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	8	400.000		22-26/12.28.29.31/12
7	Dương Hồng Hà	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.2.4.5.7.8.10.11.13-17.19.20/12
8	Vũ Huy Hoàng	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	8	400.000		22-26.28.29.31/12
9	Đinh Văn Cường	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.2.4.5.7.8.10.13-17.19.20.22/12
10	Đào Thị Thu Hoài	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	7	350.000		23-26.28.29.31/12
11	Đào Thị Hường	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.2.4.5.7.8.10.1.13-17.19.20/12
12	Đinh Ngọc Sơn	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	8	400.000		22-26.28.29.31/12

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
13	Lưu Thị Thu Hương	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	12	600.000		20.22-26.28.29.31/12
14	Phạm Thị Ninh	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.3.4.6.7.9-13.15.16.18.19.21/12
15	Nguyễn Thị Thu Hà	HHNN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	7	350.000		22.24.25.27.28.30.31/12
16	Nguyễn T Mai Phương	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22.24.25.2/12
17	Nguyễn T. Kim Duyên	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		28.30.31/12
18	Nguyễn Ngọc Diệp	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/12
19	Đoàn Thị Vân Anh	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	6	300.000		24.25.27.28.30.31/12
20	Nguyễn Thanh Ngân	Sinh hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/12
21	Nguyễn Thị Hương	Sinh hóa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	6	300.000		24.25.27.28.30.31/12
22	Nguyễn Hà Phương	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/12
23	Vũ Thị Hồng Yến	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	6	300.000		24.25.27.28.30.31/12
24	Đoàn Văn Vịnh	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		1.3.4.6.7.9.10.12.13.15.16.18.19.21.22/12
25	Bùi Văn Trai	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	6	300.000		24.25.27.28.30.31/12
26	Trần Văn Phát	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.17.18.20.21.23.26/12
27	Bùi Thị Diệu	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		27.29.30/12
28	Nguyễn Thị Trang	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.17.18.20.21.23.26/12
29	Phùng Thị Thanh Thủy	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		27.29.30/12
30	Phan Cẩm Vân	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.17.18.20.21.23.26/12

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
31	Dư Thị Huyền	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		27.29.30/12
32	Nguyễn Thị Dung	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.17.18.20.21.23.26/12
33	Lê Duy Hưng	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		27.29.30/12
34	Nguyễn Thị Vân Anh	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.17.18.20.21.23.26/12
35	Lý Thị Cúc	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		27.29.30/12
36	Giáp Đoàn Thom	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	15	750.000		2.3.5.6.8.9.11.12.14.17.18.20.21.23.26/12
37	Nguyễn T Thu Trang	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		27.29.30/12
38	Bùi T.Hương Giang	PTTKCS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	9	450.000		7.10.11.13-17.19/12
39	Nguyễn T Ánh Nguyệt	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	3	150.000		1.3.4/12
40	Nguyễn Thị Dự	Sản	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		17.29/12
41	Trần Văn Quân	TDCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		1.14/12
42	Trần Thị Thúy Nga	Lão khoa	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		8.24/12
43	Hoàng Thị Hải	PHCN	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		7.24/12
44	Huỳnh Lệ Tú	Nội B	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		12.28/12
45	Nguyễn Thi Mai	TMH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		10.25/12
46	Trần Thị Tuyết	YHCT	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	1	50.000		16/12
47	Lương Thị Thúy Hằng	NTH	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	1	50.000		15/12
48	Vũ Xuân Văn	Nhi	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		6.22/12

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
49	Đinh Hữu Trung	PTCTM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		14.31/12
50	Phạm Tuấn Anh Mạnh	PTTKCS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		13.29/12
51	Dương Văn Trung	GMHS	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		5.21/12
52	Trần Việt Hoa	C Thương	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	4	200.000		6.12.21.26/12
53	Trịnh Ngọc Dương	Ung bướu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		4.20/12
54	Phan Kim Hương	Tim Mạch	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		13.28/12
55	Hoàng Hữu Tuấn	CĐHA	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		1.17/12
56	Nguyễn Thị Xuân	Ngoại	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		10.30/12
57	Nguyễn Bích Nga	PKCS 2	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		4.19/12
58	Đào Thanh Hùng	Cấp cứu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		9.25/12
59	Nguyễn Thanh tuân	RHM	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		9.27/12
60	Đinh Đức Thuấn	GPB	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		2.18/12
61	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Huyết Học	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		3.20/12
62	Đỗ Thanh Huyền	Hóa sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		3.19/12
63	Nguyễn Thị An	Da liễu	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		8.26/12
64	Đặng Văn Thành	HSCC	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		6.22/12
65	Bùi Thị Bích Liên	Mắt	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		7.23/12
66	Lê Xuân Quang	Hô Hấp	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		11.27/12

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Ngày công	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
67	Đặng Thị Lan Anh	BND	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		16.31/12
68	Đỗ Thị Nhung	Vi Sinh	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		15.30/12
69	Bùi Ngọc Sơn	KSNK	Giám sát dịch tễ, phân luồng	50.000	01/12/2021	31/12/2021	2	100.000		2.18/12

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Việt

Nguyễn Thị Vũ

Hoàng A. Hoa

hgt
BSCKI: *Bùi Thị Nguyệt Anh*

Ngô Thủy Quỳnh



Người ký: NGUYỄN BÀ VIỆT
 Ngày ký: 26/07/2022 15:04:06
 Chức danh: Chủ tài khoản
 Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh
 Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao
 phát triển y học

BẢNG THANH TOÁN ĐƠN THUONG THU HƯỞNG
 (Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số: DT24 ngày 26 tháng 07 năm 2022)
 Tài khoản dự toán: 9527.2.1017339 Tài khoản tiền gửi :

- Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH
 - Mã đơn vị: 1017339
 - Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản 440280701009 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ninh
- I. Nội dung đề nghị thanh toán: Phụ cấp chống dịch(bổ sung tháng 12/2021)

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
			Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng Cộng :			22.050.000					22.050.000			
1	Tran Thi Tuyet	44010000082023	BIDV Quảng ninh	50.000					50.000			
2	Luong Thi Thuy Hang	44010000088854	BIDV Quảng ninh	50.000					50.000			
3	Dao Thi Hong Hanh	44010000086724	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
4	Pham Tuan Anh Manh	44010000083585	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
5	Bui Ngoc Son	44010000086122	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
6	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
7	Nguyen Thi An	44010000083309	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
8	Dinh Duc Thuan	44010000086380	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
9	Do Thanh Huyen	44010000083275	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
10	Dang Van Thanh	44010000090275	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
11	Le Xuan Quang	44010000181674	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
12	Nguyen Thi Bich Nga	44010000576979	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
13	Dao Thanh Hung	44010000082722	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
14	Bui Thi Bich Lien	44010000084302	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
15	Le Thi Xuan	44010000090150	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
16	Vu Xuan Van	44010000111334	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
17	Huynh Le Tu	44010000086043	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			

18	Hoang Thi Hai	44010000082342	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
19	Dinh Huu Trung	44010000082157	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
20	Duong Van Trung	44010000082412	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
21	Nguyen Thanh Tuan	44010000088757	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
22	Nguyen Thi Du	44010000085484	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
23	Tran Van Quan	44010000083877	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
24	Tran Thi Thuy Nga	44010000084676	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
25	Phan Kim Huong	44010000204447	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
26	Nguyen Thi Mai	44010000084232	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
27	Trinh Ngoc Duong	44010000083345	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
28	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
29	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng ninh	100.000					100.000			
30	Phung Thi Thanh Thuy	44010000086849	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
31	Du Thi Huyen	44010000316777	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
32	Ly Thi Cuc	44010000485534	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
33	Pham Thi Thuy	44010000082014	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
34	Le Duy Hung	44010000241532	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
35	Nguyễn Thi Thu Trang	44010000954751	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
36	Nguyen Thi Kim Duyen	44010000615270	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
37	Nguyen Thi Anh Nguyet	44010000202238	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
38	Bui Thi Dieu	44010000817890	BIDV Quảng ninh	150.000					150.000			
39	Tran Thi Viet Hoa	44010000086733	BIDV Quảng ninh	200.000					200.000			
40	Nguyen Thi Huong	44010000083406	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
41	Bui Van Trai	44010000381580	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
42	Doan Thi Van Anh	44010000258505	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
43	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng ninh	300.000					300.000			
44	Dao Thi Thu Hoai	44010000206355	BIDV Quảng ninh	350.000					350.000			
45	Nguyen Thi Thu Ha	44010000479421	BIDV Quảng ninh	350.000					350.000			
46	Nguyen Thi Tuyet	44010000082209	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
47	Vu Thi Thuy	44010000082555	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
48	Vu Huy Hoang	44010000258967	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
49	Do Quang The	44010000259030	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			
50	Dinh Ngoc Son	44010000477443	BIDV Quảng ninh	400.000					400.000			

10/11/2023

51	Bui Thị Hương Giang	44010000954724	BIDV Quảng ninh	450.000					450.000			
52	Luu Thi Thu Huong	44010000309218	BIDV Quảng ninh	600.000					600.000			
53	Nguyen Thanh Ngan	44010000083381	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
54	Nguyen Thi Mai Phuong	44010000253926	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
55	Pham Cam Van	44010000085271	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
56	Nguyen Thi Dung	44010000477887	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
57	Nguyen Thi Van Anh	44010000249749	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
58	Doan Van Vinh	44010000616060	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
59	Tran Van Phat	44010000072149	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
60	Nguyen Thi Trang	44010000478066	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
61	Giap Doan Thom	44010000954760	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
62	Dinh Van Cuong	44010000351422	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
63	Bui Thi Hường	44010000954867	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
64	Nguyen Ngoc Diep	44010000478002	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
65	Pham Thi Ninh	44010000573998	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
66	Duong Hong Ha	44010000620627	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
67	Dao Thi Huong	44010000421149	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
68	Nguyen Ha Phuong	44010000954858	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			
69	Nguyen Thi Huyen Trang	44010000360747	BIDV Quảng ninh	750.000					750.000			

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng

Người lập biểu



Nguyễn Thành Trung

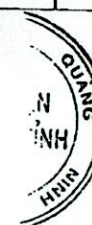
Kê Toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên

Nguyễn Bá Việt

Ngày 27 tháng 7 năm 2022

**Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện**



Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: RTMKB/ 220727_1017339_2811003
Năm NS: 2022

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☐

Tạm ứng ☒

Chuyển khoản ☐

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☒

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tài khoản: 9527.2.1017339 Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:
Số CKC, HĐK: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán hỗ trợ tiền ăn đối với Cán bộ y tế, bệnh nhân và người chăm sóc phải điều trị, cách ly y tế tại BV tháng 12 năm 2021 theo Quyết định số:1863/QĐ-BVT ngày 12/7/2022(tabmis: 535)	7799	423	132	12	194.320.000
Tổng cộng					194.320.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm chín mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền:
Địa chỉ:
Tài khoản: Tại KBNN (NH):
Hoặc người nhận tiền: Nguyễn Thị Mai Hương
Số CMND: 031171002574 Cấp ngày: 20/10/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL

PHÂN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 28 tháng 07 năm 2022
Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)
Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 27/07/2022 17:00:34
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)
Người ký: Nguyễn Bá Việt
Ngày ký: 28/07/2022 07:38:29
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Nguyễn Bá Việt

Thủ quỹ

Kế toán

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng

Giám đốc

Số: 1863 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ tiền ăn đối với Cán bộ Y tế, bệnh nhân và người chăm sóc phải điều trị, cách ly y tế tại bệnh viện tháng 12 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Xét đề nghị của trưởng khoa Dinh dưỡng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho nhân viên y tế, bệnh nhân và người chăm sóc phải điều trị, cách ly y tế tại Bệnh viện tháng 12 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

Mức chi cụ thể: 80.000 đồng/người/ngày x 2429 ngày.

Điều 2. Tổng số tiền chi: **194.320.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19 năm 2022 và cấp bổ sung kinh phí năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, Khoa Dinh dưỡng và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Kem*



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Việt

**DANH SÁCH CHI TIỀN ĂN NHÂN VIÊN Y TẾ, BỆNH NHÂN VÀ
NGƯỜI CHĂM SÓC PHẢI ĐIỀU TRỊ, CÁCH LY Y TẾ**

Từ ngày 1/12-31/12/2021

(Danh sách chi tiết kèm theo quyết định số 1863/QĐ - BVT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc bệnh viện)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách ly	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	5	8		9	10
I	Nhân viên y tế					
1	Vũ Xuân Dương	t103 k6 Bạch Đằng, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2619 ngày 4.12.2021
2	Đoàn Thị Oanh	t4k7b Hồng Hải, ,Hạ Long, Quảng Ninh	2	80.000	160.000	QĐ 2560 ngày 26.11.2021
3	Trịnh Thị Vân	t8k5 Trần Hưng Đạo, ,Hạ Long, Quảng Ninh	2	80.000	160.000	QĐ 2560 ngày 26.11.2021
4	Nguyễn Thị Út	t74k5 Bạch Đằng, ,Hạ Long, Quảng Ninh	2	80.000	160.000	QĐ 2560 ngày 26.11.2021
5	Lê Thị Liên	t12k4 Hồng Hải, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2598 ngày 1.12.2021
6	Nhâm Thị Thu Phương	t2k6b Hồng Hải,Hạ Long, Quảng Ninh,	7	80.000	560.000	QĐ 2598 ngày 1.12.2021
7	Đặng Huyền Trang	t6k2 Trần Hưng Đạo,,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2598 ngày 1.12.2021
8	Nguyễn Thị Thuận	t38k4 Cao Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh,	7	80.000	560.000	QĐ 2624 ngày 4.12.2021
9	Bùi Thị Thu Huyền	t73k8 Cao Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh,	7	80.000	560.000	QĐ 2624 ngày 4.12.2021
10	Phạm Thị Thanh	t58k4 Bạch Đằng,,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2624 ngày 4.12.2021
11	Bùi Quỳnh Anh	t18k3 Hà Khánh,,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2624 ngày 4.12.2021
12	Vũ Văn Tuấn	t5k2 Trần Hưng Đạo, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2633 ngày 6.12 .2021
13	Phan Thị Thu Thủy	T12k5, Hà Tu, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2633 ngày 6.12 .2021
14	Đinh Việt Hải	t8k5 Yết Kiêu, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2687 ngày 13.12 . 2021
15	Lương Xuân Kiên	t63k7 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2705 ngày 14.12.2021
16	Vũ Thành Khoa	t3k6 Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2705 ngày 14.12.2021
17	Lý Thị Cúc	t50bk4a Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2705 ngày 14.12.2021
18	Phan Văn Thiên	t7k3 Yết Kiêu,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2705 ngày 14.12.2021
19	Trương Thị Chiêu Xuân	t8k5 Trần Hưng Đạo, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2705 ngày 14.12.2021
20	Đặng Văn Cường	t5k1Trần Hưng Đạo, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2705 ngày 14.12.2021
21	Đào Thị Thu Hoài	t9 k5, hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	6	80.000	480.000	QĐ 2743 ngày 17.12.2021
22	Đào Thị Thủy	t25 k3 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	6	80.000	480.000	QĐ 2743 ngày 17.12.2021
23	Lê Tiến Tùng	Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2754 ngày 20.12.2021
24	Trần Thị Hoài	T6K3 – Trần Hưng Đạo – Hạ Long – Quảng Ninh.	5	80.000	400.000	QĐ 2849 ngày 27.12.2021
25	Trần Thị Lý	Bạch Đằng,,Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12.2021
26	Trần Thị Thu Ngân	Bạch Đằng,,Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12.2021
27	Phạm Thị Ánh Tuyết	Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12.2021
28	Nguyễn Thị Nam	Hoành Bồ, Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12.2021
29	Lại Thị Phương Hải	Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12.2021
30	Thiều Thị Duyên	Tổ 78 khu 9,Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
31	Trần Khanh	Tổ 10 khu 6, Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
32	Phùng Thị Hạnh Ly	số 22 khu san hô,Hùng Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
33	Đào Phương Diễm	Tổ 71 khu 5,Bạch Đằng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
34	Nguyễn Thị Huyền	Tổ 1 khu 1,Hồng Gai,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
35	Phạm Văn Thanh	Tổ 6 khu 5,Trần Hưng Đạo,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
36	Lê Thị Minh Trang	Tổ 65 khu 3B,Bạch Đằng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
37	Lương Thị Thuý Hằng	Tổ 4 khu 6, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
38	Hà Thị Tươi	Tổ 3 khu 1,Cao xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
39	Dương Thuý Linh	Bình Lãng,Tiên Phong, Ân Thi, Hưng Yên	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
40	Hoàng Thị Giang	Tổ 61 khu 4,Bạch Đằng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
41	Mã Phương Thảo	Tổ 11 khu 6,Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
42	Nguyễn Thị Giang	Tổ 10 khu 1,Hồng Gai,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
43	Hoàng Thị Lan	Tổ 17 khu 2A,Cao xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
44	Lưu T Thu Hương	Tổ 4 khu 1 ,Cao xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
45	Nguyễn Thị Loan	Tổ 5 khu Trần Hưng Đạo, Cẩm Thạch , Cẩm Phả Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
46	Phạm Phương Thảo	Tổ 8 khu 4 Trần Hưng Đạo,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
47	Nguyễn Văn Hân	Tổ 26 khu 3 Cao Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
48	Nguyễn Thị Quế	Tổ 5 khu 1, Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
49	Quánh Thị Thanh Phương	Đường Đặng Châu Tuệ, tổ 4 khu 7b, Quang Hanh , Cẩm Phả , Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
50	Nguyễn Trung Kiên	Tổ 6 khu 10b, Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
51	Lưu Thị Hoàn	Tổ 26 khu 3 Cao Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
52	Đỗ Thị Ngân	Tổ 6 khu 5 Trần Hưng Đạo,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
53	Đào Thu Hiền	Tổ 12 khu 2 Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
54	Trần Thị Thu Thảo	Tổ 8 khu 7 Hồng Hà,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
55	Phạm Thị Thu Hà	Tổ 12 khu 2b Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
56	Lương Thị Lý	Tổ 61 khu 4, Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
57	Phạm Thị Hồng Nhung	Tổ 40 khu 4 Hà Trung,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
58	Phạm Trung Kiên	Tổ 4 khu 5 Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
59	Tây Ngọc Huyền	Thống Nhất, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
60	Vũ Thị Linh	Tổ 2 khu 1, Trần Hưng Đạo,Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+QĐ 2681 ngày 13.12.2021
61	Hoà Thị Lan Anh	Tổ 1 khu Cao Sơn 3, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+QĐ 2681 ngày 13.12.2021
62	Nguyễn Thị Thương	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
63	Đặng Thị Diễm Quỳnh	Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
64	Nguyễn Phương Thảo	Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
65	Nguyễn Đan Sâm	TỔ 69 KHU 7 - Hà Khẩu - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
66	Đoàn Thị Vân Anh	TỔ 8 KHU7 - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
67	Đinh Thị Ngọc Bích	TỔ 6 KHU 9 - Hồng Hải - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
68	Nguyễn Thị Luyến	TỔ 5 KHU 1- Trần Hưng Đạo - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
69	Phạm Hùng Linh	TỔ 10 KHU 5- Hồng Hải - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
70	Hà Văn Trường	TỔ 104 KHU 6 - Bạch Đằng - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
71	Trần Thị Tuyết	Tổ 5 khu 8 - Hồng Hải - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
72	Dương Thị Thảo	TỔ 7 KHU 5 - Cao Xanh - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
73	Trần Việt Dung	TỔ 50 KHU 5B - Cao Thắng - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
74	Phạm Thị Hải Ninh	TỔ 11 KHU 3 - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
75	Đoàn Thị Trang Nhung	TỔ 69 KHU 8 - Cao Thắng - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
76	Phạm Thị Nga	TỔ 1 KHU 6 - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
77	Lương Thị An	TỔ 7 KHU 9 - THĐ - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
78	Lê Thị Luyện	Tổ 4 khu 2, phường Hà Tu - Hạ Long - Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
79	Vũ Ngọc Trung	Số 56 Tổ 58B Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
80	Kiều Vân Anh	Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
81	Nguyễn Thị Nha Trang	Tổ 50 C Khu 4A Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
82	Đinh Thị Xuyên	Tổ 28 Khu 3 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
83	Đinh Thị Thúy An	Khoa lão khoa, bệnh viện ĐK tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
84	Nguyễn Thị Bích Liên	Tổ 3 Khu 4 Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
85	Nguyễn Thị Cường	Tổ 64 Khu 7 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
86	Vũ Thị Ánh Tuyết	Tổ 52 Khu 4 Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
87	Trần Thị Thuý Nga	Tổ 11 Khu 9 Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
88	Nguyễn Quốc Thành	Tổ 74 Khu 9 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
89	Nịnh Thị Minh	Tổ 52 Khu 5 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
90	Phạm Thị Thanh	Tổ 5 Khu 4 Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
91	Ngô Thị Mỹ	Tổ 71 Khu 5 Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
92	Nguyễn Thị Thu Hường	Tổ 64 Khu 8 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
93	Hoàng Thị Xuyên	Tổ 38 Khu 4 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
94	Nguyễn Thanh Tùng	Tổ 71 khu 6 Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
95	Hoàng Thị Chi	Tổ 5 khu 4 Việt Hưng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
96	Trịnh Trần Nga	Tổ 13 khu 4 Hùng Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
97	Trương Thị Mến	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
98	Nguyễn Thị Thu	Tổ 5 Khu 4 Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
II	Bệnh nhân và NCS			80.000	0	
99	Nguyễn Văn Dũng	Tân Lương, Tân Bình, Đầm Hà, Quảng Ninh	13	80.000	1.040.000	QĐ 2481 ngày 23.11.2021
100	Phạm Thị Nhân	Tân Lương, Tân Bình, Đầm Hà, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2481 ngày 23.11.2021
101	Nguyễn Văn Đình	t2 k4 Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	QĐ 2599 ngày 1.12.2021
102	Lê Thị Loan	t1 k7a, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	QĐ 2622 ngày 4.12.2021
103	Nguyễn Lan Anh	Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	14	80.000	1.120.000	QĐ 2622 ngày 4.12.2021
104	Vũ Thị Chi	T3 khu Tân Lập 2, Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	18	80.000	1.440.000	QĐ 2664 ngày 11.12.2021
105	Nguyễn Văn Hội	t3 k2 Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	16	80.000	1.280.000	QĐ 2677 ngày 13.12.2021
106	Lê Thị Bảy	P Cao Thắng,	18	80.000	1.440.000	QĐ 2710 ngày 14.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
107	Trần Văn Ngọc	t4 k2a, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh	17	80.000	1.360.000	QĐ 2721 ngày 15.12.2021
108	Nguyễn Đức Chiêu	T78,k5 Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	16	80.000	1.280.000	QĐ 2737 ngày 16.12.2021
109	Bùi Như Quỳnh	t3 k4 Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	14	80.000	1.120.000	QĐ 2735 ngày 16.12.2021
110	Nguyễn Thị Nhật	t4 k2a, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	QĐ 2792 ngày 20.12.2021
111	Lương Thị Chên	t38 k4 Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2758 ngày 21.12.2021
112	Bùi Thị Đội	Xã Phiêng Luông, Mộc Châu, Sơn La	3	80.000	240.000	QĐ 2758 ngày 21.12.2021
113	Nguyễn Thành Long	khu 8, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2796 ngày 22.12.2021
114	Trần Hữu Lâm	An Dương, Lê Chân, Hải Phòng	3	80.000	240.000	QĐ 2830 ngày 24.12.2021
115	Hoàng Thị Thu Ngân	Đài Xuyên , Vân Đồn, Quảng Ninh	8	80.000	640.000	QĐ 2830 ngày 24.12.2021
116	Hoàng Thị Hồng Nhung	Đoàn Kết , Vân Đồn, Quảng Ninh	8	80.000	640.000	QĐ 2830 ngày 24.12.2021
117	Phạm Minh Đức	Tổ 6 - Khu 3 – Hà Lâm – Hạ Long – Quảng Ninh	5	80.000	400.000	QĐ 2853 ngày 27.12.2021
118	Bùi Thị Hương	Thôn Bằng Xâm – xã Lê Lợi – Hạ Long – Quảng Ninh	4	80.000	320.000	QĐ 2862 ngày 28.12.2021
119	Nguyễn Thị Phở	Tổ 78 khu 9, Cao Thắng , TP Hạ Long, Quảng Ninh	3	80.000	240.000	QĐ 2873 ngày 29.12.2021
120	Lục Thanh Sơn	t5 hồng thạch A Cẩm Thạch, Cẩm Phả, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2882 ngày 30.12
121	Đoàn Văn Tạo	tổ 1 khu 2, Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2896 ngày 31.12
122	Trịnh Quang Tuấn	T7k1 Cao Thắng, hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
123	Nguyễn Thùy Dung	Lâm Sinh 1, Minh Thành , Quảng Yên, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
124	Nguyễn Thị Cúc	Đông Xá , Vân Đồn, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
125	Trần Quang Hà	Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
126	Hầu Ninh Bình	Hà Lâm,Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
127	Chu Minh Thiện	Cẩm Sơn,Cẩm Phả, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
128	Trần Thị Sen (Nbn Lê Thị Bảy)	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	18	80.000	1.440.000	2QĐ: QĐ 2711 ngày 14.12.2021+QĐ 2808 ngày 23.12
129	Lương Thị Đào(Nbn Lương Thị Chên)	T9k2 Cao Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	3 QĐ: QĐ 2709 ngày 14.12.2021+ QĐ 2799 ngày 22.12.2021
130	Mai Văn Dũng(Nbn Hầu Ninh Bình)	t4k1 Độc lập, Hà Lâm,Hạ Long, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
131	Nguyễn Văn Báu(Nbn Nguyễn Thị Cúc)	Đông Xá , Vân Đồn, Quảng Ninh	1	80.000	80.000	QĐ 2881 ngày 30.12
132	Chu Thị Ánh	Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	5	80.000	400.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
133	Nguyễn Thị Hợi	Tổ 4a khu 2,Hồng Hà,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
134	Nguyễn Thị Oanh	tổ 6 Khu 7,Cao Xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
135	Nguyễn Thị Thi	Tổ 5 khu 6,,Yết Kiêu,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
136	Phạm Thị Hồng Hạnh	Tổ 7 khu 1,Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
137	Bùi Thị Loan	Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
138	Nguyễn Thị Lan	Tổ 9 khu 6,Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
139	Bùi Kim Thành	Hồng hà,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
140	Hà Xuân Diện	TỔ 52 khu 5,Hà trung,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
141	Hoàng Thanh Tùng	Cái Rồng,Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
142	Lê Viết Cường	Xã Đoàn Kết, Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
143	Nguyễn Văn Huy	Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
144	Phạm Văn Vinh	Trần Hưng Đạo ,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
145	Chu Thị Thuởng	Thôn Yên Hào,Đầm Hà, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
146	Đỗ Thị Bằng	Tổ 1 khu 1A,Cao Xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
147	Lê Thị Hòa	Cầm Tây,Cầm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
148	Nguyễn Thị Kim	Tổ 44 khu 4,Cao Xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
149	Trần Thị Huệ	Tổ 34 khu 4,Hồng Gai,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
150	Đinh Văn Dũng	Hạ Long,Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
151	Đỗ Văn Quý	Tổ 13 khu 6,Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
152	Phùng Bá Đò	Hà Lâm,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
153	Phạm Ngọc Phú	Cửa Ông, cầm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
154	Chu Văn Yên	Đầm Hà,Đầm Hà,Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
155	Nguyễn Xuân Hồng	Tổ 38 khu 5,Cao Thắng ,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
156	Lê Thị Tuất	Tổ 8 khu 3,Hà Tu,Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2679 ngày 13.12.2021
157	Nguyễn Văn Tuấn	Bạch Đằng,,Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
158	Phạm Văn Thân	Tổ 60A Khu 5,Cao Xanh,Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2679 ngày 13.12.2021
159	Châu Thị Hòa	Tổ 4 khu 5,Cầm Thạch,Cầm Phả, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
160	Ngô Thị Hải	Tổ 42A khu 5,Hà Phong,Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2679 ngày 13.12.2021
161	Trần Thị Xuân	Tổ 48 khu 3, Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
162	Bùi Văn Mầm	Tổ 10 khu 1,Hà Trung,Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2679 ngày 13.12.2021
163	Nguyễn Văn Nhân	Tổ 49 khu 4 ,Cao Xanh ,Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
164	Trương Thị Hương Ly(Nn Bn Hoàng Thanh Tùng)	khu 7 Cái Rồng,Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
165	Nguyễn Thị Ngọc Châu(Nn Bn Bùi Kim Thành)	Tổ 6 khu 8 Hồng Hà,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
166	Tạ Thị Quỳnh Mai(Nnbn Lê Viết Cường)	Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
167	Phan Thị Vui(Nnbn Chu Văn Yên)	Đầm Hà,Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
168	Nguyễn Thị Vượt(Nnbn Bùi Văn Mầm)	Tổ 10 khu 1 Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2679 ngày 13.12.2021
169	Vương Thị Lệ(Nnbn Nguyễn Văn Nhân)	Tổ 49 khu 4 ,Cao Xanh ,Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
170	Phạm Phương Hoa(Nnbn Phạm Ngọc Phú)	Tổ 40 khu4b1 Cửa Ông, Cầm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
171	Phùng Thị Viết(Nnbn Đinh Văn Dũng)	Thôn 8 Hạ Long, Vân Đồn , Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
172	Vũ Thị Huyền(Nnbn Nguyễn Thị Oanh)	Tổ 4 khu 1 Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
173	Chu Thị Hiền(Nnbn Chu Thị Ánh)	Sơn Dương, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
174	Trương Thị Thanh Nhân(Nnbn Nguyễn Thị Thi)	Tổ 5 khu 6 Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
175	Hoàng Thị Lan(Nnbn Châu Thị Hòa)	Tổ 4 khu Lam Thạch B, Cầm Phả, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
176	Nguyễn Thị Thu(Nnbn Trần Thị Xuân)	Tổ 9 khu 3 Hùng Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021+ QĐ 2680 ngày 13.12.2021
177	Bùi Thị Liên	t2 k7 Hồng hải, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
178	Dương Ngọc Ngà	T4 k9 Quang Hanh, Cầm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
179	Nghiêm Thị Ân	T44 k4 Cao Thắng,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
180	Nguyễn Thị Kết	t67 k5 Cao Xanh. Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
181	Nguyễn Thị Lơ	khu 1 , tt Cái Rồng, Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
182	Nguyễn Thị Mượt	t2k10 Hồng Hải,Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
183	Phạm Thị Hạnh	t3k9 Hồng hà, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
184	Tăng Tài Múi	Tiền Tới, xã Đường Hoa, Hải Hà, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
185	Lưu Thị Hoa	t4k4 Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
186	Nguyễn Thị Bình	t9k1b cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
187	Nguyễn Thị Lan	Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
188	Phạm Thị Xô	t22k2b, Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
189	Phạm Thị Yến	t2 k6 , Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
190	Trần Thị Ngọc Hạnh	t7 k1, Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
191	Ngô Thanh Dương	P Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
192	Phan Thanh Hòa	t2 k2 Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
193	Ngô Thị Tào	t3k3 Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
194	Nguyễn Thị Phen	P Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
195	Nguyễn Thị Thu Trang	p Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
196	Vũ Thị Bích	TT Kiến xương, Kiến Xương, Thái Bình	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
197	Đoàn Thành Công	P Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
198	Kiều Trung Kiên	P Hà Khánh, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
199	Lê Duy Toàn	t1A khu 6A, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
200	Lê Văn Lý	thôn Nhâm cao, Đại Bình, Đầm Hà, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
201	Ma Ngọc Huệ	Xã Thổ Bình, Lâm Bình , Tuyên Quang	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
202	Nguyễn Thanh Tuấn	P Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
203	Nguyễn Văn Bá	t3 k2 Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
204	Nguyễn Văn Tuyền	xã Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
205	Nguyễn Xuân Thủy	P Hồng hải, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
206	Vũ Đình Nhữ	t2 k8, Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
207	Bùi Văn Ban	Xã Quan Lạn, Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
208	Nguyễn Minh Tuấn	t5 k3a, Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
209	Nguyễn Văn Bình	p Quảng Yên, Quảng Yên, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
210	Nguyễn Văn Khiên	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc-MICCO, phường Hải Khánh, hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
211	Phạm Ngọc Tuấn	P Hồng gai, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
212	Trần Quang Thiệu	Xã Tây Phong, Tiên Hải, Thái bình	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
213	Vũ Cao Cường	t7 k1, Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
214	Nguyễn Thị Thúy Mai	p Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
215	Ngô Thị Xinh	p Phong Hải, Quảng Yên, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
216	Nguyễn Ngọc Sinh	Bạch Đằng,, Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
217	Lưu Thị Hoàn	Đảo Thanh Lân, Cô Tô, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
218	Đoàn Hữu Vượng	Bạch Đằng,, Hạ Long, Quảng Ninh	4	80.000	320.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
219	Đoàn Văn Tinh	t61 k7, Cao Thắng, , Hạ Long, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
220	Trần Xuân Miêu	t5 k10, bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021 + QĐ 2680 ngày 13.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
221	La Thị Ngân	Pò Đán, Húc Động, Bình Liêu, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021- QĐ 2679 ngày 13.12.2021
222	Trần Văn Cống	Xã Trục Thắng, Trục Ninh, Nam Định	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
223	Lê Văn Phượng	Đông Hải, Tiên Yên, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021- QĐ 2680 ngày 13.12.2021
224	Sên Văn Lò (Nn Bn La Thị Ngân)	Pò Đán, Húc Động, Bình Liêu, Quảng Ninh	12	80.000	960.000	2 QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021- QĐ 2679 ngày 13.12.2021
225	Phùng Quang Ôn (Nn Bn Tăng Tài Múi)	Tiến Tới, xã Đường Hoa, Hải Hà, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
226	Nguyễn Quang Miện Nn Bn Nguyễn Thị Lơ	khu 1 , tt Cái Rồng, Vân Đồn, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
227	Nguyễn Thị Trinh (Nn Bn Trần Xuân Miêu)	t5 k10, bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh,	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021- QĐ 2680 ngày 13.12.2021
228	Hoàng Thị Ka (Nn Bn Nguyễn Thanh Tuấn)	P Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
229	Bùi Thị Thuý(Nn Bn Ngô Thị Xinh)	p Phong Hải, Quảng Yên, Quảng Ninh	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
230	Lê Văn Tài(Nn Bn Lê Văn Phượng)	Xã Đông Hải, Tiên Yên, Quảng Ninh	15	80.000	1.200.000	2QĐ: QĐ 2621 ngày 4.12.2021- QĐ 2680 ngày 13.12.2021
231	Lê Thị Quế(Nn Bn Trần Văn Cống)	Xã Trục Thắng, Trục Ninh, Nam Định	10	80.000	800.000	QĐ 2621 ngày 4.12.2021
232	NINH TRỌNG NGHIÊM	T4K8, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
233	BÙI ANH ĐỨC	t1k1, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
234	BÙI THANH NAM	Tổ 3 khu 6, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
235	BÙI VĂN ĐỘNG	xã Minh Hoàng, Phù Cừ, Hưng Yên	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
236	NGUYỄN KHẮC PHÊ	t21 k2, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
237	NGUYỄN VĂN TUẤN	T31K3, Phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
238	VI VĂN THẮNG	k5, Phường Hải Hoà, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
239	VŨ ĐỨC THÌN	Tổ 3 khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
240	ĐỖ THỊ NGUYỆT	t82 k5, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
241	HOÀNG THU HIỀN	T27K5, Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
242	LƯƠNG THỊ CHÈN	t38k4, Phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
243	LƯƠNG THỊ ĐÀO	Tổ 9 khu 2B, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
244	NGUYỄN THỊ HẢI	, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
245	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Thị trấn Cái Rồng, Huyện Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
246	TÔ THỊ PHỤNG	t7k4, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
247	ĐỖ VĂN HÙNG	Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
248	Nguyễn Thị Tinh (NN BN Đỗ Văn Hùng)	Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
249	Nguyễn Bá Cường (NN BN Đỗ Văn Hùng)	Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2709 ngày 14.12.2021
250	Bùi Thị Đội	Xã Phiêng Luông, Mộc Châu, Sơn La	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
251	Bùi Thị Tuyết	t30 k3 Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
252	Đặng Bích Thủy	P Cửa ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
253	Đỗ Thị Kim	t9 k2 Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
254	Lê Thị Vân	k2 Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
255	Lương Thị Tiếp	t1 k6b, hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
256	Lý Kim Liên	tổ 1a, xã Quảng Minh, Hải Hà, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
257	Mai Thị Phương	Bạch Đằng,,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
258	Trần Thị Gái	t32 k4 Hà Phong, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ngày điều trị, cách	Tiền ăn/ngà y do NS chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
259	Trần Thị Thúy	P Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
260	Vũ Thị Lê	k7 p Phong Hải, Quảng Yên, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
261	Ngô Văn Phúc(NNBN Trần Thị Gái)	t32 k4 Hà Phong, ,Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
262	Lê Thị Quế(NNBN Lý Kim Liên)	tổ 1a, xã Quảng Minh, Hải Hà, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2711 ngày 14.12.2021
263	Phạm Quang Tản	Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
264	Vũ Văn Hoàn	tổ 54 khu 4, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
265	Lại Xuân Khái	Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
266	Lê Văn Hùng	Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
267	Hoàng Văn Thuận	Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
268	Nguyễn Xuân Hoàng	SN 5 T53K6, Phường Hà Phong, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
269	Lương Thị Dung	t6k1 hà Lầm, Hạ Long, Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
270	Phạm Xuân Chính	t2k4d, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
271	Nguyễn Thị Hật	Xã Hồng Phong, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
272	Đồng Thị Hoa	t6k6, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
273	Hoàng Thị Hà	T73K5, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
274	Tô Thị Lan	Phường Hà Lầm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
275	Nguyễn Thị Liên	T49K5, Phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
276	Đinh Thị Phượng	tổ 1 khu 3, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
277	Hoàng Thị Hoá	t34k3, Phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
278	Vũ Văn Hùng	8B, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
279	Hoàng Thị Vui	t4k4, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
280	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
281	Lô Văn Chấn	Bình An, Thị trấn Bình Liêu, Huyện Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
282	Trần Thị Kim Oanh(Nnbn Phạm Quang Tản)	Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
283	Giáp Quang Vinh (Nn Bn Lô Văn Chấn)	Thôn Cốc Lồng xã Lục Hồn, Huyện Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh	7	80.000	560.000	QĐ 2736 ngày 16.12.2021
	Cộng: 283 người		2.429		194.320.000	

(Bảng chữ: Một trăm chín mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)